TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 12 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út.

Ông Hứa Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 274/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

2.2. Ông N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D trình bày:* Bà D có làm chủ hụi, bà T và ông N là hụi viên và có tham gia 03 dây hụi mùa, sau khi hốt hụi xong, bà T và ông N không đóng hụi chết cho bà D, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 2.000.000đ, mở ngày 04/4/2017 âm lịch (AL), mãn ngày

04/12/2021 AL, có 15 phần, bà T và ông N tham gia 01 phần (để tên vợ N), bà T và ông N đóng hụi sống được 07 lần, đến lần thứ 08 thì bà T và ông N hốt (vụ 04/8/2019 AL). Bà T và ông N đóng hụi chết được 05 lần (từ vụ 04/12/2019 AL đến vụ 04/4/2021 AL). Do nhiều người không đóng hụi chết cho bà D nên bà D đã đình hụi lại không khui hụi nữa (4/2021 AL), để bà D gom hụi chết của những người đã hốt giao lại cho những người còn sống. Từ vụ 04/8/2021 AL đến vụ 04/12/2021 AL bà T và ông N không đóng hụi chết là 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ. Vì vậy, bà T và ông N còn nợ bà D tiền hụi chết là 4.000.000đ. Dây hụi này còn hiện đã mãn.

Dây 2: Hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 20/4/2018 AL, dự kiến mãn ngày 20/12/2022 AL, có 15 phần, bà T và ông N tham gia 01 phần (để tên vợ N), bà T và ông N đóng hụi sống được 06 lần, đến lần thứ 07 thì bà T và ông N hốt (vụ 20/4/2020 AL). Bà T và ông N đóng hụi chết được 03 lần (từ vụ 20/8/2020 AL đến vụ 20/4/2021 AL). Do nhiều người không đóng hụi chết cho bà D nên bà D đã đình hụi lại không khui hụi nữa (4/2021 AL), để bà D gom hụi chết của những người đã hốt giao lại cho những người còn sống. Từ vụ 20/8/2021 AL đến vụ 20/8/2022 AL bà T và ông N không đóng hụi chết là 04 lần x 3.000.000đ = 12.000.000đ. Vì vậy, bà T và ông N còn nợ bà D tiền hụi chết là 12.000.000đ. Dây hụi này còn 01 lần hụi chết nữa mới mãn.

Dây 3: Hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 16/8/2018 AL, dự kiến mãn ngày 16/12/2022 AL, có 14 phần, bà T và ông N tham gia 01 phần (để tên vợ N), bà T và ông N đóng hụi sống được 06 lần, đến lần thứ 07 thì bà T và ông N hốt (vụ 16/8/2020 AL). Bà T và ông N đóng hụi chết được 02 lần (từ vụ 16/12/2020 AL đến vụ 16/4/2021 AL). Do nhiều người không đóng hụi chết cho bà D nên bà D đã đình hụi lại không khui hụi nữa (4/2021 AL), để bà D gom hụi chết của những người đã hốt giao lại cho những người còn sống. Từ vụ 16/8/2021 AL đến vụ 16/8/2022 AL bà T và ông N không đóng hụi chết là 04 lần x 3.000.000đ = 12.000.000đ. Vì vậy, bà T và ông N còn nợ bà D tiền hụi chết là 12.000.000đ. Dây hụi này còn 01 lần hụi chết nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 dây hụi này tính đến vụ tháng 8/2022 AL bà T và ông N còn nợ bà D là 4.000.000đ + 12.000.000đ + 12.000.000đ = 28.000.000đ.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông N trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đ, không có yêu cầu tính lãi.

- *Các bị đơn bà T và ông N:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và ông N nhưng bà T và ông N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, giải quyết buộc bà T và ông N trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông N trả cho bà D số tiền nợ hụi là 28.000.000đ, không có yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà T và ông N có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn bà T và ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 38/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng có tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu. Xét thấy, các tài liệu này có liên quan đến vụ án này, đã được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên các tài liệu này tiếp tục được TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sử dụng làm chứng cứ khi giải quyết vụ án này.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D cho rằng bà T và ông N có tham gia chơi 03 dây hụi do bà D làm chủ hụi, gồm: ***Dây hụi thứ nhất***, hụi mùa 2.000.000đ, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 04/4/2017 AL, mãn ngày 04/12/2021 AL (BL 27), có 15 phần (tương ứng 15 vụ), bà T và ông N tham gia 01 phần (danh sách hụi ghi tên "vợ N" ở vị trí thứ 14), đóng hụi sống được 07 lần (các vụ 04/4/2017 AL, 04/8/2017 AL, 04/12/2017 AL, 04/4/2018 AL, 04/8/2018 AL, 04/12/2018 AL, 04/4/2019 AL), đến lần thứ 08 (vụ 04/8/2019 AL) bà T và ông N hốt, sau đó đóng hụi chết được 05 lần (các vụ 04/12/2019 AL, 04/4/2020 AL,

04/8/2020 AL, 04/12/2020 AL, 04/4/2021 AL). Dây hụi này bà T và ông N chưa đóng hụi chết cho bà D 02 lần (các vụ 04/8/2021 AL, 04/12/2021 AL - mãn hụi) với số tiền 2.000.000đ x 02 lần = 4.000.000đ. ***Dây hụi thứ hai***, hụi mùa 3.000.000đ, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 20/4/2018 AL, dự kiến mãn ngày 20/12/2022 AL (BL 28), có 15 phần (tương ứng 15 vụ), bà T và ông N tham gia 01 phần (danh sách hụi ghi tên "vợ N" ở vị trí thứ 06), đóng hụi sống được 06 lần (các vụ 20/4/2018 AL, 20/8/2018 AL, 20/12/2018 AL, 20/4/2019 AL, 20/8/2019 AL, 20/12/2019 AL), đến lần thứ 07 (vụ 20/4/2020 AL) bà T và ông N hốt, sau đó đóng hụi chết được 03 lần (các vụ 20/8/2020 AL, 20/12/2020 AL, 20/4/2021 AL). Dây hụi này bà T và ông N chưa đóng hụi chết cho bà D 04 lần (các vụ 20/8/2021 AL, 20/12/2021 AL, 20/4/2022 AL, 20/8/2022 AL) với số tiền 3.000.000đ x 04 lần = 12.000.000đ. ***Dây hụi thứ ba***, hụi mùa 3.000.000đ, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 16/8/2018 AL, dự kiến mãn ngày 16/12/2022 AL (BL 29), có 14 phần (tương ứng 14 vụ), bà T và ông N tham gia 01 phần (danh sách hụi ghi tên "vợ N" ở vị trí thứ 02), đóng hụi sống được 06 lần (các vụ 16/8/2018 AL, 16/12/2018 AL, 16/4/2019 AL, 16/8/2019 AL, 16/12/2019 AL, 16/4/2020 AL), đến lần thứ 07 (vụ 16/8/2020 AL) bà T và ông N hốt, sau đó đóng hụi chết được 02 lần (các vụ 16/12/2020 AL, 16/4/2021 AL). Dây hụi này bà T và ông N chưa đóng hụi chết cho bà D 04 lần (các vụ 16/8/2021 AL, 16/12/2021 AL, 16/4/2022 AL, 16/8/2022 AL) với số tiền 3.000.000đ x 04 lần = 12.000.000đ. Nay đối với 03 dây hụi trên bà D yêu cầu bà T và ông N trả cho bà D tổng số tiền 4.000.000đ + 12.000.000đ + 12.000.000đ = 28.000.000đ để bà D giao lại cho những người còn sống chưa hốt.

[6] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án trước đây, thấy rằng: Tại Biên bản xác minh ngày 19/4/2022 (BL 54, 55) bà M (là mẹ ruột của ông N) trình bày bà T và ông N có tham gia 03 dây hụi do bà D làm chủ hụi gồm 02 dây hụi mùa 3.000.000đ, 01 dây hụi mùa 2.000.000đ và đều đã hốt hết, trong đó dây hụi mùa 3.000.000đ mở ngày 16/8/2018 AL bà M cũng có tham gia, do bà M được hốt hụi là 20.000.000đ còn ông N nợ tiền hụi chết của bà D đối với 03 dây hụi là 3.000.000đ + 3.000.000đ + 2.000.000đ = 8.000.000đ nên ông N, bà M, bà D đã thỏa thuận miệng về việc gật tiền hụi, theo đó ông N đã đưa cho bà M số tiền 8.000.000đ mà ông N nợ của bà D, đây là số tiền ông N đóng trước cho vụ tháng 4/2021 AL của cả 03 dây hụi; ông N có mặt khi Tòa án xác minh bà M và thừa nhận lời trình bày của bà M là đúng sự thật. Sự thừa nhận của ông N là tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy, sự thừa nhận của ông N là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà D về việc bà T và ông N có tham gia 03 dây hụi do bà D làm chủ hụi và chỉ mới đóng hụi chết đến vụ tháng 4/2021 AL của cả 03 dây hụi, từ vụ tháng 8/2021 AL bà T và ông N chưa đóng hụi chết cho bà D, nên lời trình bày của bà D là có cơ sở.

[7] Việc ông N cho rằng cả 03 dây hụi mà bà D đang yêu cầu trong vụ án đều đã mãn hết là không có cơ sở, vì căn cứ vào ngày mở hụi và số lần khui hụi tương ứng với số phần (vụ) của cả 03 dây hụi thì tính đến thời điểm bà D khởi kiện bà T và ông N trong vụ án trước đây thì cả 03 dây hụi đều chưa mãn. Việc ông N và bà M cho rằng giữa các bên có thỏa thuận gật tiền hụi với nhau và hiện nay bà T

và ông N không còn nợ bà D cũng như việc tại Biên bản xác minh ngày 19/4/2022 bà V (là chị ruột của ông N) trình bày ông N có đưa cho bà V số tiền 6.000.000đ để đóng 02 lần hụi chết của dây hụi mùa 3.000.000đ do ông N nợ tiền hụi chết của bà D cũng không có cơ sở. Bởi vì, ông N, bà M, bà V có mối quan hệ ruột thịt; đồng thời, ông N, bà M, bà V chỉ trình bày miệng chứ không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và bà D cũng không thừa nhận lời trình bày của ông N, bà M, bà V. Trong trường hợp sau này các bên có tranh chấp với nhau đối với các dây hụi, phần hụi do bà D làm chủ hụi mà ông N, bà M, bà V có tham gia nhưng chưa được Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này thì có quyền khởi kiện, tranh chấp thành một vụ án khác.

[8] Như vậy, Hội đồng xét xử xác định việc bà T và ông N chưa đóng hụi chết cho bà D từ vụ tháng 8/2021 AL của cả 03 dây hụi, với tổng số tiền 28.000.000đ là có thật. Theo quy định của pháp luật, sau khi đã hốt hụi tại mỗi lần (kỳ) khui hụi thì hụi viên phải có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho chủ hụi cho đến khi mãn hụi để chủ hụi giao tiền hụi chết này cho các hụi viên được hốt tại lần (kỳ) khui hụi đó. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định bà T và ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

[9] Về vấn đề tiền lãi, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ hụi là 28.000.000đ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với các lần khui hụi cho đến khi hụi mãn của dây hụi thứ hai và dây hụi thứ ba mà bà D chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì sau này bà D có quyền tiếp tục khởi kiện, tranh chấp trong một vụ án khác.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà T và ông N cùng có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đ.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí sơ thẩm; bà T và ông N phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 28.000.000đ x 5% = 1.400.000đ tương ứng trên số tiền hụi còn nợ bị Tòa án buộc trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bà T và ông N trả số tiền hụi còn nợ.

Buộc bà T và ông N cùng có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà T và ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà T và ông N phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bà D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với bà T và ông N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt